

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày 22-5-2023
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu C.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn K;

Bà Nguyễn Thị Minh P.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Cẩm V - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Lệ T - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Phạm Thị Hồng T; ĐKKHKT: số 24 G 2 KĐ, phường HVT, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: số 8 N 84 PĐP, phường HL, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

- *Bị đơn:* anh Nguyễn Xuân P; ĐKKHKT: số 24 G 2 KĐ, phường HVT, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: số 8 N 84 PĐP, phường HL, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01-10-2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hồng T trình bày:

Chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT (nay là phường HVT), quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15, ngày 20-3-2000. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Năm 2017, do công việc làm ăn không thuận lợi nên anh Nguyễn Xuân P vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Thời gian đầu, anh P vẫn về nhà thăm các con, chị T nhiều lần hỏi địa chỉ của anh P tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh P không cung cấp. Từ năm 2017 đến nay, giữa chị T và anh P không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình nên chị T đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chị T và anh P có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 23-3-2002 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 09-02-2004. Hiện tại, cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Thu H đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị Phạm Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Xuân P không hợp tác, không đến Tòa án làm thủ tục theo quy định. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về việc đăng tin, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho anh Nguyễn Xuân P. Tuy nhiên, anh P không đến Tòa án làm việc, không lấy được lời khai, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng T.

Tại Biên bản xác minh ngày 16-02-2023, Tổ dân phố Bạch Đằng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thể hiện: chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P kết hôn từ năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường QT (nay là phường HVT), quận Hồng Bàng. Sau khi kết hôn, chị T và anh P về chung sống với nhau tại địa chỉ số 8 ngõ 84 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng. Quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Anh P thỉnh thoảng có về thăm các con nhưng không ở nhà lâu.

Tại Đơn trình bày ngày 25 tháng 11 năm 2022, bà Nguyễn Thị Hồi (là mẹ đẻ của chị Phạm Thị Hồng T) trình bày: chị T và anh P xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT (nay là phường HVT), quận Hồng Bàng. Sau khi kết hôn, chị T và anh P về chung sống với nhau

tại địa chỉ số 8 N 84 PĐP, phường HL, quận Hồng Bàng. Quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Giữa chị T và anh P có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 23-3-2002 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 09-02-2004. Năm 2017, anh P vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, anh P thỉnh thoảng có về thăm các con. Nay chị T không còn tình cảm với anh P, nên bà Hội đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T và anh P được ly hôn theo quy định.

Tại Đơn trình bày ngày 12 tháng 12 năm 2022, cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Thu H trình bày: Trong quá trình chung sống, giữa chị T và anh P không có tiếng nói chung, thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Giữa chị T và anh P không còn chung sống với nhau từ năm 2017. Thời gian này, anh P thỉnh thoảng có gọi điện hỏi thăm tình hình học tập và sức khỏe của các con; cháu Huy và Hà có hỏi địa chỉ anh P ở đâu nhưng anh P không nói. Nay chị T làm đơn đề nghị được ly hôn với anh P, cháu Huy và cháu Hà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT (nay là phường HVT), quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15, ngày 20-3-2000, nên hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Năm 2017, anh P đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, thỉnh thoảng mới về nhà và giữa chị T và anh P không chung sống cùng nhau từ đó đến nay. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị Phạm Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

Về con chung: chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 23-3-2002 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 09-02-2004. Hiện tại, cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Thu H đã đến tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị Phạm Thị Hồng T không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Phạm Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo Đơn khởi kiện; căn cước công dân, sổ hộ khẩu và Biên bản xác minh ngày 16-02-2023, Tổ dân phố BĐ, phường HL, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng thể hiện: anh Nguyễn Xuân P đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 24 G 2 KĐ, phường HVT, quận Hồng Bàng và sinh sống tại số 8 N 84 PĐP, phường HL, quận Hồng Bàng. Căn cứ các điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án khởi kiện xin ly hôn giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị Hồng T với bị đơn là anh Nguyễn Xuân P thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Xuân P mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Xuân P.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường QT (nay là phường HVT), quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15, ngày 20-3-2000, nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: chị Phạm Thị Hồng T cho rằng quá trình chung sống, giữa chị T và anh Nguyễn Xuân P phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Năm 2017, do công việc làm ăn không thuận lợi nên anh Nguyễn Xuân P vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Thời gian đầu, anh P vẫn về nhà thăm các con; chị T nhiều lần hỏi địa chỉ của anh P tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh P không cung cấp. Giữa chị T và anh P không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau từ năm 2017 đến nay. Do vậy, chị T làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xem xét, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh P theo quy định của pháp luật. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về việc đăng tin; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa) cho anh Nguyễn Xuân P. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh P không tới Tòa án làm việc, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hồng T. Điều đó thể hiện việc anh P không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P không đạt được mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị Phạm Thị Hồng T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Xuân P là có căn cứ, phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Hồng T: chị Phạm Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

[5] Về con chung: chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 23-3-2002 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 09-02-2004. Hiện tại, cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Thu H đã đến tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: chị Phạm Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: chị Phạm Thị Hồng T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Xuân P.

2. Về con chung: chị Phạm Thị Hồng T và anh Nguyễn Xuân P có 02 con chung là Nguyễn Đức H, sinh ngày 23-3-2002 và Nguyễn Thu H, sinh ngày 09-02-2004. Hiện tại, cháu Nguyễn Đức H và Nguyễn Thu H đã đến tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị Phạm Thị Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị Hồng T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009588, ngày 31-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Hồng T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND phường HVT, quận Hồng Bàng, (GCN kết hôn số 15, ngày 20-3-2000);
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu C

